TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY,
TỈNH TIỀN GIANG
------ ♣ ------
Số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiền
- Ông Phan Văn Thật

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 444/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp K 12, xã MPT, thị xã CL, tỉnh TG.
- *Bị đơn*: Anh Hà Văn Q, sinh năm 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp 5B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06/11/2017 và lời khai tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày: Chị và anh Hà Văn Q kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q ham mê cờ bạc không lo làm ăn phụ giúp gia đình và đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay; Con chung có 01 đứa tên Hà Thiên A, sinh ngày 11/5/2014; Tài sản chung và nợ chung đều không có.

Nay chị xin được ly hôn với anh Q; Con chung: Xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2017 và lời khai tại tòa bị đơn anh Hà Văn Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Hà Văn Q kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung tên Hà Thiên A, sinh ngày 11/5/2014. Theo xác nhận của địa phương thì hiện chị N có việc làm, có thu nhập ổn định hơn anh Qưởn nên đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N khởi kiện ly hôn bị đơn anh Hà Văn Qưởn theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Hà Văn Qưởn kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy (Nay là thị xã Cai Lậy), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131/2013, quyển 01/2013, ngày 21/10/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Qưởn không đồng ý ly hôn với chị N và mong muốn được đoàn tụ, còn chị N cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh Qưởn đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị N và anh Q trình bày tại tòa thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung chỉ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn kéo dài do anh Q ham mê cờ bạc, không lo phụ giúp gia đình dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, đồng thời hiện tại chị N xác định không còn tình cảm, yêu thương anh Q nữa, bản thân anh Q cũng không đưa ra được biện pháp nào thiết thực để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị

N với Quởn thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q đều có yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Hà Thiên A, sinh ngày 11/5/2014, nhưng xét thấy từ khi chị N và anh Q sống ly thân đến nay cháu A do anh Quởn dưỡng ổn định, cháu phát triển tốt. Do vậy, để tránh xáo trộn và làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của trẻ nghĩ giao con chung cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Do anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[7] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Q là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là không có cơ sở. Bởi lẽ, như đã nhận định trên tuy theo xác nhận của Trưởng ấp 5B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG là chị N có việc làm ổn định, có thu nhập nhưng từ khi chị N bỏ đi đến nay anh Q đủ khả năng nuôi con, vẫn cho trẻ đến trường mầm non bình thường. Do vậy, đề nghị này của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng N. Cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Hà Văn Q.

2 - Về nuôi con chung*:* Giao con chung tên Hà Thiên A, sinh ngày 11/5/2014 cho anh Hà Văn Q nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hằng N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14973 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4 – Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, CL, TG
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan